

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 28/4/2022

V/v “Ly hôn, chia tài sản chung, vay  
nợ chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Vi Thị Tuyết Mai**

*Các Thẩm phán:* 1. Ông **Hoàng Hữu Truyền**

2. Bà **Hoàng Thị Thu Hương**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Lường Thị Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:** Bà **Hoàng Thị Chuyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/2021/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, chia tài sản chung, vay nợ chung”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị **Đàm Thị Ngh**. Sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

\* Bị đơn: Anh **Vi Văn Kh**. Sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Cà Thị P**. Sinh năm 1955. Có mặt

2. Ông **Vi Văn C**. Sinh năm 1953. Vắng mặt

Đều có địa chỉ tại: Thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Vi Văn C:* Bà **Cà Thị P**. Có mặt

3. Bà **Đàm Thị M**. Sinh năm 1979. Địa chỉ: Xóm C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

4. Ông **Trịnh Công T**. Sinh năm 1974. Địa chỉ: T 3, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt

## 5. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Dương Văn H. Sinh năm 1987. Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

\* *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Vi Văn Kh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vi Văn C, bà Cà Thị P.

### NỘI DUNG VỤ ÁN

**\* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Đàm Thị Ngh trình bày:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Vi Văn Kh quen biết, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 06 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Đến ngày 02/09/2020 chị phát hiện anh Kh ngoại tình với người phụ nữ khác, từ đó đến nay chị và anh Kh sống ly thân, xác định tình cảm không còn. Chị yêu cầu được ly hôn với anh Vi Văn Kh.

*Về con chung:* Không có

*Về tài sản chung gồm:*

- + 01 ngôi nhà cấp bốn đổ mái bằng và 01 gian bếp trị giá 400.000.000<sup>d</sup>
- + Tường rào xung quanh nhà trị giá 12.000.000<sup>d</sup>
- + 01 móng kê bằng đá để làm sân trước nhà trị giá 8.000.000<sup>d</sup>
- + 01 sân trước nhà lát gạch đỏ 40 cm x 40 cm trị giá 10.000.000<sup>d</sup>

Tất cả các tài sản trên đều xây dựng trên đất của bố mẹ chồng là ông Vi Văn C và bà Cà Thị P tại Thôn N - Xã C - Huyện P

Các tài sản chung khác do vợ chồng mua sắm gồm:

- 01 tủ treo tường bằng nhôm kính đựng bát đĩa trị giá 2.000.000<sup>d</sup>;
- 01 giường ngủ gỗ Sồi kích thước 1,6mx2m trị giá 4.000.000<sup>d</sup>;
- 01 tủ bốn ngăn gỗ Sồi đựng quần áo trị giá 7.000.000<sup>d</sup>;
- 01 tủ bàn thờ gỗ Mít trị giá 7.000.000<sup>d</sup>;
- 01 bàn trang điểm bằng gỗ Sồi trị giá 1.500.000<sup>d</sup>;
- 01 xe máy Honda mua năm 2017 trị giá 29.000.000<sup>d</sup> (Trong đó anh Vi Văn Kh bán xe cũ được 10.000.000<sup>d</sup> còn lại 19.000.000<sup>d</sup> là tiền chung của vợ chồng);
- 01 bình nóng lạnh trị giá 2.000.000<sup>d</sup>;
- 03 màn khung trị giá mỗi chiếc là 800.000<sup>d</sup>, 03 chiếc là 2.400.000<sup>d</sup>;
- 01 giá đựng đồ bằng sắt trị giá 500.000<sup>d</sup>;
- 02 chiếc quạt trần trị giá mỗi chiếc là 800.000<sup>d</sup>, 02 chiếc là 1.600.000<sup>d</sup>.

Chị yêu cầu giao toàn bộ tài sản chung cho anh Kh quản lý sử dụng, anh Kh có trách nhiệm trích chia bằng tiền giá trị tài sản chung cho chị theo quy định của pháp luật.

*Về vay nợ chung:*

Chị và anh Kh vay nợ các khoản như sau:

+ Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện P, tỉnh Bắc Kạn số tiền 100.000.000<sup>d</sup>.

+ Vay chị Đàm Thị M trú tại xóm C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa số tiền 30.000.000<sup>d</sup>.

+ Nợ tiền vật liệu xây dựng của ông Trịnh Công T trú tại T3, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 5.000.000<sup>d</sup>.

Về cho vay: Không có.

Chị yêu cầu anh Kh có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện P số tiền 100.000.000<sup>d</sup> và lãi phát sinh. Chị có nghĩa vụ trả nợ chị Đàm Thị M số tiền 30.000.000<sup>d</sup> và ông Trịnh Công T số tiền 5.000.000<sup>d</sup>.

***\* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Vi Văn Kh trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Đàm Thị Ngh đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 06 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn trên cơ sở tự nguyện. Tháng 7 năm 2018 chị Ngh chuyển công tác sang trạm y tế xã Nhạn Môn, huyện P thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay xác định tình cảm không còn, chị Ngh xin ly hôn, anh nhất trí.

*Về con chung:* Không có

*Về tài sản chung:* Thống nhất với lời khai của nguyên đơn gồm: Một ngôi nhà cấp bốn đồ mái bằng, 01 gian bếp, một phần tường bao, kê đá, sân trước nhà xây dựng năm 2018 trên đất của bố mẹ anh là ông Vi Văn C và bà Cà Thị P tại Thôn N - Xã C - Huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên có một phần tiền và vật liệu dùng để xây dựng ngôi nhà do anh đã chuẩn bị trước khi kết hôn với chị Ngh, Cụ thể:

- Toàn bộ khung cửa gỗ và cánh cửa gỗ của ngôi nhà;

- 30.000.000<sup>d</sup> tiền Việt Nam;

- Anh Nông Văn U trả 10.000.000<sup>d</sup>; Chị Vi Thị H1 trả 6.000.000<sup>d</sup>; Chị Vi Thị H2 trả 02 tấn xi măng Hoàng Thạch trị giá 4.200.000đ; Ông Vi Văn V trả 02 tấn xi măng Hoàng Thạch trị giá 4.200.000<sup>d</sup>; Ông Vi Văn B trả 02 tấn xi măng Quang Sơn trị giá 3.600.000<sup>d</sup>; Ông Nông Văn P trả 02 tấn xi măng Hoàng Thạch trị giá 4.200.000<sup>d</sup>. Đây là các khoản tiền và vật liệu anh Kh cho các ông, bà, anh, chị nêu trên vay làm nhà trước khi anh Kh kết hôn với chị Ngh;

Các tài sản chung khác do vợ chồng mua sắm gồm tủ, giường, xe máy, bình nóng lạnh, màn, quạt... Thống nhất với lời khai của nguyên đơn.

Về tài sản anh không nhất trí chia tài sản chung cho chị Ngh

*Về vay nợ chung và cho vay:* Thống nhất với lời khai của nguyên đơn và nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn là:

Anh có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện P số tiền 100.000.000<sup>d</sup> và lãi phát sinh.

Chị Ngh có nghĩa vụ trả nợ chị Đàm Thị M số tiền 30.000.000<sup>d</sup> và ông Trịnh Công T số tiền 5.000.000<sup>d</sup>.

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**- Ông Vi Văn C, bà Cà Thị P trình bày:**

Con trai của ông bà là Vi Văn Kh kết hôn với chị Đàm Thị Ngh từ tháng 7 năm 2017 âm lịch, sau khi kết hôn anh Kh, chị Ngh sống chung với ông bà, mặc dù công tác ở các xã trong huyện nhưng chị Ngh vẫn thường xuyên về nhà, nhưng từ tháng 01/2020 đến nay chị Ngh không về nhà nữa. Nay chị Ngh xin ly hôn anh Kh và yêu cầu chia tài sản chung, ông bà có ý kiến như sau.

Trước đây ông bà có 01 ngôi nhà gỗ 4 gian chính và 2 gian phụ, tháng 02/2018 cả ông, bà, anh Kh, chị Ngh thống nhất dỡ nhà cũ để xây nhà cấp IV trên thửa đất số 174, tờ bản đồ địa chính số 75, diện tích 867m<sup>2</sup> của ông Vi Văn C và bà Cà Thị P, tháng 11/2018 thì nhà được xây xong và đưa vào sử dụng. Trong quá trình xây nhà ông bà được đóng góp các khoản gồm:

- 13.000.000<sup>d</sup> là tiền bán gỗ từ ngôi nhà cũ;

- 3.000.000<sup>d</sup> là tiền bán gỗ xoan;

- 5.000.000<sup>d</sup> tiền bán 01 con lợn;

Tổng số tiền mặt là **21.000.000<sup>d</sup>**. Ngoài ra còn có các khoản sau:

- Tiền bán măng khô năm 2017 là 60kg x 150.000<sup>d</sup>/kg = 9.000.000<sup>d</sup>

- Tiền bán măng khô năm 2019 là 40kg x 200.000<sup>d</sup>/kg = 8.000.000<sup>d</sup>.

Nuôi được 02 lứa gà, mỗi lứa 100 con, chị Ngh tự bán được bao nhiêu ông bà không biết; 84 cây mai làm cây chống; 101 cây vành dài 6,2m; 100 tấm ván bung của ngôi nhà cũ rộng 30cm x dài 2,2m.

Ông bà đứng ra nhờ con cháu, hàng xóm được 25 người giúp đào móng trong một ngày; 20 người giúp đổ móng, đồ giầm; 53 người giúp đổ mái.

Ngoài ra ông bà còn tự san gạt nền, xúc cát, sỏi vào bao để chở lên nhà, xếp gạch và nấu rượu, nấu cơm phục vụ thợ xây, trông nom công trình.

Nay chị Ngh và anh Kh ly hôn, ông bà yêu cầu được chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

**- Trong công văn số 55/NHNo-PN ngày 13/9/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam trình bày:**

Năm 2018 anh Vi Văn Kh có vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện P số tiền 100.000.000<sup>d</sup> theo hình thức thấu chi tài khoản, hàng năm khoản nợ này được gia hạn và đến nay anh Kh chưa trả được khoản nợ này cho Ngân hàng. Ngân hàng đề nghị anh Vi Văn Kh và chị Đàm Thị Ngh phải hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng trước khi ly hôn.

**- Trong bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt chị Đàm Thị M trình bày:**

Khoảng tháng 03 năm 2018 âm lịch, chị có được cho chị Đàm Thị Ngh và anh Vi Văn Kh trú tại thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn vay số tiền 30.000.000đ để chị Ngh anh Kh xây nhà. Nay chị Ngh, anh Kh ly hôn, chị yêu cầu chị Ngh và anh Kh có trách nhiệm trả chị số tiền 30.000.000<sup>d</sup>, không yêu cầu tính lãi.

**- Ông Trịnh Công T trình bày:**

Năm 2018, ông có được bán cát, sỏi, đá cho chị Đàm Thị Ngh và anh Vi Văn Kh trú tại thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn để chị Ngh, anh Kh xây nhà. Anh Kh, chị Ngh còn nợ ông số tiền 5 triệu đồng. Nay chị Ngh, anh Kh ly hôn, ông yêu cầu chị Ngh và anh Kh có trách nhiệm trả nốt số tiền nợ cho ông là 5.000.000<sup>d</sup>, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án chị Đàm Thị Ngh có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung gồm: 01tủ treo tường bằng nhôm kính đựng bát đĩa; 01 giường ngủ gỗ Sồi kích thước 1,6mx2m; 01 tủ bốn ngăn gỗ Sồi đựng quần áo; 01 tủ bàn thờ gỗ Mít; 01 bàn trang điểm bằng gỗ Sồi; 01 xe máy Honda mua năm 2017; 01 bình nóng lạnh; 03 màn khung; 01 giá đựng đồ bằng sắt; 02 chiếc quạt trần và yêu cầu định giá tài sản đối với 01 ngôi nhà cấp bốn đổ mái bằng; 01 gian bếp; Tường rào xung quanh nhà; Móng kê bằng đá để làm sân trước nhà; Sân trước nhà lát gạch đỏ 40cmx40cm.

Tòa án nhân dân huyện P đã tiến hành xem xét thẩm định và định giá tài sản.

Kết quả xem xét thẩm định như sau: Tài sản gồm:

- 01 nhà cấp 4 mái bằng diện tích 106m<sup>2</sup>;
- 01 gian bếp xây tường 110mm mái lợp tôn xộp diện tích 29,23m<sup>2</sup>;
- Tường rào xung quanh ngôi nhà;
- 01 móng kê bằng đá để làm sân trước nhà,
- 01 sân trước nhà lát gạch đỏ.

Toàn bộ các hạng mục trên được xây dựng trên thửa đất số 174, tờ bản đồ địa chính số 75, diện tích 867m<sup>2</sup> đo đạc năm 2009 thuộc Quyền sử dụng của ông Vi Văn C và bà Cà Thị P.

Kết quả định giá tài sản:

- 01 nhà cấp 4 mái bằng có 02 chữ A trên mái, tổng diện tích sàn là 106m<sup>2</sup> có giá trị là 415.948.042<sup>d</sup>;

- 01 gian bếp xây tường 110mm, mái lợp tôn xộp, tổng diện tích sàn 29,23m<sup>2</sup> có giá trị là 47.074.841<sup>d</sup>;

- 01 sân lát gạch nung đỏ 400mm x 400mm có tổng diện tích là 66,63m<sup>2</sup> có giá trị là 9.061.000<sup>d</sup>;

- 01 kè xây đá hộc trước nhà có tổng khối lượng là 13m<sup>3</sup> có giá là 20.881.212<sup>d</sup>;

- Tường ngăn xây bằng gạch chỉ có giá 15.296.769<sup>d</sup>.

Tổng giá trị tài sản định giá là **508.261.864<sup>d</sup>**.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn nhất trí thuận tình ly hôn và thực hiện nghĩa vụ trả nợ, các đương sự không thống nhất việc chia tài sản chung.

Ngày 30/9/2021 Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án số 05/2021/HNGĐ-ST đã Quyết định: Căn cứ các Điều 51, 55, 59, 61 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 165, 212, 213, 235, 244, 246, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đàm Thị Ngh đối với anh Vi Văn Kh về việc ly hôn, chia tài sản chung, vay nợ chung khi ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận chị Đàm Thị Ngh và anh Vi Văn Kh thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị Đàm Thị Ngh và anh Vi Văn Kh không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

3. Về chia tài sản chung:

- Giao cho anh Vi Văn Kh quản lý, sử dụng, định đoạt 01 nhà cấp 4 mái bằng có 02 chữ A trên mái, tổng diện tích sàn là 106m<sup>2</sup> có giá trị là 415.948.042đ; 01 gian bếp xây tường 110mm, mái lợp tôn xộp, tổng diện tích sàn 29,23m<sup>2</sup> có giá trị là 47.074.841<sup>d</sup>; 01 sân lát gạch nung đỏ 400mmx400mm có tổng diện tích là 66,63m<sup>2</sup> có giá trị là 9.061.000<sup>d</sup>; 01 kè xây đá hộc trước nhà có tổng khối lượng là 13m<sup>3</sup> có giá là 20.881.212<sup>d</sup>; Tường ngăn xây bằng gạch

chỉ có giá 15.296.769<sup>d</sup> trên thửa đất số 174, tờ bản đồ địa chính số 75, diện tích 867m<sup>2</sup> đo đạc năm 2009 đứng tên ông Vi Văn C và bà Cà Thị P.

Tổng giá trị tài sản định giá là 508.261.864<sup>d</sup>.

Tổng giá trị anh Vi Văn Kh được hưởng là 279.544.024<sup>d</sup>.

Anh Vi Văn Kh phải trả tiền chênh lệch chia tài sản cho chị Đàm Thị Ngh là 177.891.652<sup>d</sup>.

Anh Vi Văn Kh phải trả tiền chênh lệch chia tài sản cho ông Vi Văn C là 25.413.093<sup>d</sup>.

Anh Vi Văn Kh phải trả tiền chênh lệch chia tài sản cho bà Cà Thị P là 25.413.093<sup>d</sup>.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản của chị Đàm Thị Ngh là vật dụng trong nhà gồm: 01 tủ treo tường bằng nhôm kính đựng bát đĩa; 01 giường ngủ gỗ Sồi kích thước 1,6m x 2m; 01 tủ bốn ngăn gỗ Sồi đựng quần áo; 01 tủ bàn thờ gỗ Mít; 01 bàn trang điểm bằng gỗ Sồi; 01 xe máy Honda mua năm 2017; 01 bình nóng lạnh; 03 màn khung; 01 giá đựng đồ bằng sắt; 02 chiếc quạt trần. Chị Đàm Thị Ngh có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

#### 4. Về nợ chung:

- Công nhận thỏa thuận giữa chị Đàm Thị Ngh, anh Vi Văn Kh, đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện P, tỉnh Bắc Kạn, bà Đàm Thị M và ông Trịnh Công T.

Buộc anh Vi Văn Kh có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện P, tỉnh Bắc Kạn số tiền nợ gốc 100.000.000<sup>d</sup> (*Một trăm triệu đồng*) khi đến hạn trả nợ. Tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2021 là 595.300<sup>d</sup> (*Năm trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm đồng*). Tổng là 100.595.300<sup>d</sup> (*Một trăm triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm đồng*). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Kh còn phải chịu các khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thấu chi số 8602-LAV-202100495 ngày 24/6/2021 của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Buộc chị Đàm Thị Ngh có trách nhiệm trả cho chị Đàm Thị M, sinh năm 1979 trú tại xóm C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa số tiền 30.000.000<sup>d</sup> (*Ba mươi triệu đồng*).

Buộc chị Đàm Thị Ngh có trách nhiệm trả cho ông Trịnh Công T, sinh năm 1974 trú tại T 3 thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 5.000.000<sup>d</sup> (*Năm triệu đồng*).

#### 5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Chị Đàm Thị Ngh phải chịu số tiền 1.015.000<sup>d</sup>; anh Vi Văn Kh phải chịu số tiền 1.595.000<sup>d</sup>; ông Vi Văn C, bà Cà Thị P mỗi người phải chịu số tiền 145.000<sup>d</sup>.

Buộc anh Vi Văn Kh phải trả cho chị Đàm Thị Ngh số tiền 1.595.000<sup>d</sup>; ông Vi Văn C và bà Cà Thị P mỗi người phải trả cho chị Đàm Thị Ngh số tiền là 145.000<sup>d</sup>.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22 tháng 10 năm 2021, bị đơn anh Vi Văn Kh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vi Văn C, bà Cà Thị P có đơn kháng cáo không nhất trí với phần chia tài sản chung của Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2021/HNGĐ-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn.Cụ thể:

- Anh Kh kháng cáo không nhất trí trích chia tài sản chung cho chị Ngh với mức 45%; quá trình trích chia không trừ số tiền 99.020.500 đồng là tài sản riêng của anh có trước hôn nhân, việc định giá tài sản theo giá đền bù Nhà nước là không hợp lý vì không trừ khấu hao giá trị sử dụng.

- Ông Vi Văn C, bà Cà Thị P kháng cáo không nhất trí việc xác định công sức đóng góp của ông bà trong khối tài sản chung mà cho rằng toàn bộ tài sản chung được xây dựng trên đất của ông bà nhưng cấp sơ thẩm xác định là tài sản của chị Ngh, anh Kh là không đúng.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn, bị đơn nhất trí với bản án sơ thẩm về phần quan hệ hôn nhân, phần con chung và phần nợ chung.

- Đối với phần chia tài sản chung: Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P, ông C nhất trí với việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P, ông C thỏa thuận về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản như quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm số 05/2021/HNGĐ- ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P đối với phần chia tài sản chung và đình chỉ giải quyết. Giữ nguyên các quyết định khác của bản án do đương sự không có kháng cáo.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của anh Vi Văn Kh, ông Vi Văn C, bà Cà Thị P trong thời hạn luật định nên được thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P, ông C nhất trí với việc rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của nguyên đơn. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và việc bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P, ông C đồng ý việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P, ông C nhất trí nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản như quyết định của bản án sơ thẩm. Xét việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P, ông C đều là đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các đương sự được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn thấy có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, con chung và nợ chung không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

Căn cứ vào Điều 299, Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Hủy và đình chỉ xét xử đối với phần chia tài sản chung của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2021/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 về việc “*Ly hôn, chia tài sản chung, vay nợ chung*” của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án về việc chia tài sản chung theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự .

2. Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P, ông C về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản như sau:

Chị Đàm Thị Ngh phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 1.015.000<sup>d</sup> (*Một triệu không trăm mười lăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản đã nộp tại Tòa án. Xác nhận Chị Đàm Thị Ngh đã nộp đủ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

Anh Vi Văn Kh phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 1.595.000<sup>d</sup> (*Một triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) để hoàn trả cho chị Chị Đàm Thị Ngh.

Ông Vi Văn C, bà Cà Thị P, mỗi người phải chịu 145.000<sup>d</sup> (*Một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản để hoàn trả cho chị Chị Đàm Thị Ngh.

Hoàn trả cho chị Đàm Thị Ngh số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 1.885.000<sup>d</sup> (*Một triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng*)

3. Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P, ông C được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà nguyên đơn đã nộp là 14.240.000 đồng (*Mười bốn triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 01284 ngày 31/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Hoàn trả lại cho bị đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà bị đơn đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0000759 ngày 03/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Hoàn trả lại cho Ông Vi Văn C số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông C đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0000760 ngày 03/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Hoàn trả lại cho Cà Thị P số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà bà P đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0000761 ngày 03/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, con chung và nợ chung không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- TAND huyện P
- VKSND huyện P
- CCTHADS huyện P
- Các đương sự: (theo đ/c)
- Lưu HSVA, HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vi Thị Tuyết Mai**



***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- TAND huyện P
- VKSND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Các đương sự: (theo đ/c)
- Lưu HSVA,HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vi Thị Tuyết Mai**

[3] Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị:

[4] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử khẳng định có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng: Điều 28, khoản 3 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận kháng cáo của anh Vi Văn Kh, ông Vi Văn C và bà Cà Thị P.

2. Hủy một phần Bản án số Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2021/HNGĐ-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Pắc Nặm, tỉnh Bắc Kạn về việc quản lý, sử dụng, định đoạt 01 nhà cấp 4 mái bằng có 02 chữ A trên mái, tổng diện tích sàn là 106m<sup>2</sup> có tổng giá trị là 415.948.042đ; 01 gian bếp xây tường 110mm, mái lợp tôn xộp, tổng diện tích sàn 29,23m<sup>2</sup> có tổng giá trị là 47.074.841<sup>d</sup>; 01 sân lát gạch nung đỏ 400mmx400mm có tổng diện tích là 66,63m<sup>2</sup> có tổng giá trị là 9.061.000<sup>d</sup>; 01 kè xây đá hộc trước nhà có tổng khối lượng là 13m<sup>3</sup> có giá là 20.881.212<sup>d</sup>; Tường ngăn xây bằng gạch chỉ có giá 15.296.769<sup>d</sup> trên thửa đất số 174, tờ bản đồ địa chính số 75, diện tích 867m<sup>2</sup> đo đạc năm 2009 đứng tên ông Vi Văn C và bà Cà Thị P. Tổng giá trị tài sản định giá là 508.261.864<sup>d</sup>.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận chị Đàm Thị Ngh và anh Vi Văn Kh thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Đàm Thị Ngh và anh Vi Văn Kh không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

- Về đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản của chị Đàm Thị Ngh là vật dụng trong nhà gồm: 01 tủ treo tường bằng nhôm kính đựng bát đĩa; 01

giường ngủ gỗ Sồi kích thước 1,6m x 2m; 01 tủ bốn ngăn gỗ Sồi đựng quần áo; 01 tủ bàn thờ gỗ Mít; 01 bàn trang điểm bằng gỗ Sồi; 01 xe máy honda mua năm 2017; 01 bình nóng lạnh; 03 màn khung; 01 giá đựng đồ bằng sắt; 02 chiếc quạt trần. Chị Đàm Thị Ngh có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

#### 4. Về án phí:

Nguyên đơn Vi Văn Kh, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cà Thị P, Vi Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000<sup>d</sup> (*Ba trăm nghìn đồng*) theo các Biên lai thu số 0000759; 0000760; 0000761 ngày 03/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Pắc Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Các đương sự chịu án phí sơ thẩm theo Bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- TAND huyện Pắc Nặm;
- Chi cục THADS huyện Pắc Nặm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vi Thị Tuyết Mai**